

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	2015/12/26	新規设计		Xiaorui_Zhao	Ming_Lv	$0.5 \leq , \leq 6$	± 0.1
						$6 < , \leq 30$	± 0.2
						$30 < , \leq 120$	± 0.3
						$120 < , \leq 400$	± 0.5
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0410-k							

FINISH MARKS

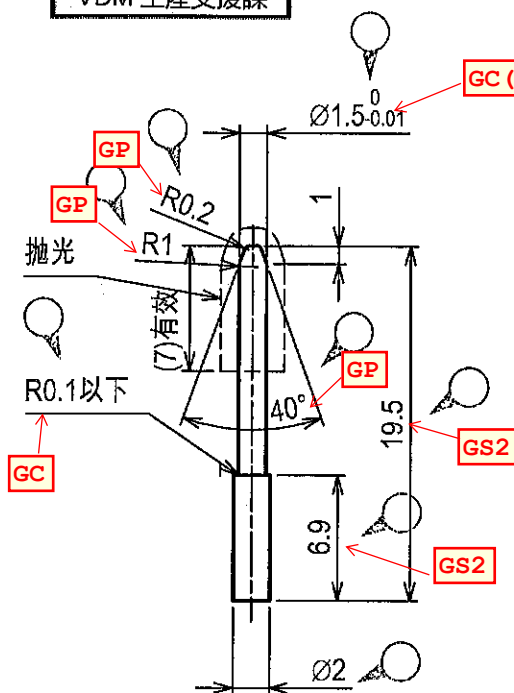
0.8

出図

製作・検収用図面
検収完了後要廃棄
2023-06-15

VDM 生産支援課

指示外全C0.1

GS1 ra phôi $\varnothing 2 \times 23$

S CHUẨN

メッキはフラッシュメッキ (5 μ 以下) の事 $\varnothing 2$ 小軸加工可

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Guo_Yan_Wei	M.Miwa	部品図		ピン
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		PIN
HRC 55°~60°	SEH-CR	部品図		銷
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
SKS3	2015/12/26	2.5:1		R033673

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

414 306 0214

SNO: **R033673**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKH51 Ø2*24	GS1:15 GC:30 GP:30 GS:15 AF:5 KA: LT KT